

Số 614<sup>a</sup>/BC-VKC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2016

**BÁO CÁO**  
**TỔNG KẾT CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015**  
**PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2016**

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015**

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 8 tháng 5 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Km số 9 xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký là 122.253.930.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 122.253.930.000 đồng; tương đương 12.225.393 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trong đó tỷ lệ vốn của các cổ đông như sau:

- \* Vốn nhà nước: 65% (tương ứng 79.465.100.000 VNĐ) do Tổng công ty Thép Việt Nam (VNS) sở hữu.
- \* Vốn các tổ chức, cá nhân khác: 35% vốn Điều lệ (tương ứng 42.788.830.000 VNĐ) trong đó có 1 số cổ đông lớn như sau:
  - + Công ty Cổ phần Đại Lý Liên Hiệp Vận Chuyển: 10,9 % (tương ứng 13.322.950.000 VNĐ).
  - + Ông Lê Bá Phương : 7,0155 % (tương ứng 8.576.740.000 VNĐ).
  - + Bà Nguyễn Thị Thủy (Vợ ông Phương): 4,5% tương ứng 5.500.000.000 đ
  - + Ông Nguyễn Thành Nghĩa : 1,59 % (tương ứng 1.949.250.000 VNĐ).

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức là sản xuất, kinh doanh thép xây dựng.

Hội đồng quản trị báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015; kế hoạch, mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau.

# **I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI-THỊ TRƯỜNG NĂM 2015**

## **1. Tình hình kinh tế xã hội**

Kinh tế xã hội trong nước diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới phục hồi không đều, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại, giá dầu giảm sâu ảnh hưởng tình hình tài chính quốc gia.

Nhìn chung năm 2015 tình hình kinh tế xã hội nước ta có nhiều tín hiệu tích cực về tăng trưởng GDP, kiểm soát lạm phát, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh và phát triển kinh tế đối ngoại, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động phức tạp. Điểm tích cực nổi bật trong năm 2015 là GDP Việt Nam tăng 6,68 % vượt kế hoạch đề ra và cao hơn năm 2014.

Trong năm 2015 sản xuất công nghiệp luôn trong nước là động lực mạnh cho nền kinh tế, ghi nhận sự cải thiện đối với hầu hết các chỉ số. Chỉ số tiêu thụ tiếp tục tăng, chỉ số tồn kho thấp hơn cùng kỳ năm trước. Năm 2015 cũng lạm phát thấp, tổng mức tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ tăng cao so với năm 2014.

Tuy nhiên, sản xuất trong nước chịu áp lực từ hàng hóa nhập khẩu giá thấp mà đặc biệt là từ Trung Quốc.

## **2. Tình hình thị trường thép**

Giá các mặt hàng thép trên thị trường thép thế giới tiếp tục đi xuống và ở mức thấp tháng cuối năm. Thép giá rẻ Trung Quốc tràn vào thị trường là một trong những nguyên nhân chính tác động xấu thị trường thép thế giới.

Ngành thép trong nước chịu nhiều tác động từ thép nhập khẩu giá rẻ. Nhu cầu thị trường năm 2015 nhìn chung vẫn khá tốt, tuy nhiên cạnh tranh ngày càng gay gắt. Thép nhập khẩu giá rẻ cùng với một số dự án mới được đưa vào hoạt động khiến nguồn cung tăng, giá bán giảm mạnh do các nhà sản xuất muốn giành giật thị phần.

Thị trường thép xây dựng diễn biến phức tạp, cạnh tranh gay gắt hơn do nguồn cung tăng nhanh hơn tăng trưởng nhu cầu. Thiết bị công nghệ của Thép Thủ Đức nằm trong nhóm công nghệ thấp, nên gặp không ít khó khăn về giá thành sản phẩm so với thép giá rẻ trên thị trường, hạn chế năng lực cạnh tranh của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty đã bám sát thị trường, quản trị sản xuất sâu sát, phát huy được những lợi thế trong sản xuất, duy trì được sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tăng trưởng trong tình hình giá bán theo xu hướng giảm, ổn định đời sống người lao động.



## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH - LỢI NHUẬN 2015

### 1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

#### 1.1. Kết quả thực hiện năm 2015

- Chủ động sản xuất các mặt hàng, chủng loại mà Công ty có ưu thế, thúc đẩy tiêu thụ (sản xuất D10 và D12 với sản lượng 66.443 tấn, đạt 51,13% tổng sản lượng thép cán năm 2015), tăng cường sản xuất các loại phôi thép hợp kim thấp SD390, SS400 đáp ứng được nhu cầu của đối tác và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp với Công ty Thép Miền Nam và khách hàng, nắm bắt thông tin thị trường, linh hoạt thay đổi cơ cấu sản phẩm thép cán đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường. Xuất khẩu thép cán thông qua Thép Miền Nam hơn 7.000 tấn, doanh số đạt ~ 3 triệu USD phục vụ cho công tác nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị.
- Chất lượng sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt trước khi đưa ra thị trường. Tiếp thu nghiêm túc và giải quyết rọt ráo các thông tin phản ánh từ khách hàng, đã thỏa mãn phần nào nhu cầu thị trường.

\* Kết quả sản xuất – kinh doanh năm 2015:

T T	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện Năm 2015	% so với kế hoạch	Năm 2015 so với năm 2014	
						Thực hiện 2014	% so 2014
<b>I</b>	<b>Sản xuất</b>						
1	Phôi thép	tấn	150.000	155.791	103,86	153.314	101,61
2	Thép cán	tấn	115.000	128.936	112,12	104.781	123,05
<b>II</b>	<b>Tiêu thu</b>						
	- Thép cán	tấn	115.000	128.099	111,39	108.598	117,96
	- Phôi thép	tấn	30.000	24.447	81,49	44.885	54,46
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu t/chính</b>						
	- Doanh thu	tỷ. đ	1.620	1.585,372	97,86	1.864,815	85,01
	- Lợi nhuận (trước thuế)	tỷ. đ	12,82	55,018	429,16	15,275	360,18
	- Khấu hao	tỷ. đ	16,5	16,197	98,16	15,383	105,29
	- Nộp ngân sách	tỷ. đ		42,14	-	38,8	108,6

#### 1.2. Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2015

Sản xuất thép cán của Công ty đạt gần 130.000 tấn, tăng trưởng hơn 24% so với 2014, sản xuất phôi tăng 3,48 % so với năm 2014.

Nhận thấy nhu cầu tăng và có hiệu quả nên Công ty đã đẩy mạnh tiêu thụ thép cán. Sản lượng thép cán tiêu thụ năm 2015 tăng trưởng gần 18 % so với năm 2014.

Tình hình tiêu thụ phôi hiệu quả thấp nên năm 2015 Công ty đã hạn chế bán phôi. Sản lượng tiêu thụ sụt giảm, không đạt kế hoạch đề ra và sản lượng chỉ bằng 54,46% so với năm 2014.

Năm 2015, hiệu quả SXKD của Công ty có chuyển biến tích cực, lợi nhuận tăng cao, bằng 360,18 % so với năm 2014, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt hơn, giá bán theo chiều hướng giảm sâu.

Để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như trên, Công ty đã duy trì tồn kho liệu thấp, xác định thời điểm mua hợp lý, tăng cường bán hàng trước xu hướng giá giảm.

### **III. THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2015**

#### **1. Công tác kỹ thuật, đầu tư**

Quản lý tốt công tác kỹ thuật công nghệ. Thực hiện các chỉ tiêu tiêu hao chính đạt định mức. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt chuẩn mục công bố và yêu cầu của khách hàng.

Nhờ cải tạo, nâng cấp lò nung phôi trung tần cán trực tiếp nên hoạt động ổn định hơn, hiệu quả được nâng cao.

Tổ chức tốt bảo dưỡng thiết bị định kỳ, không để xảy ra sự cố lớn ảnh hưởng sản xuất. Công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp được thực hiện tốt, không để xảy ra tai nạn lao động nặng. Duy trì tốt phong trào “ nhà máy công viên” tạo môi trường tốt hơn cho người lao động.

Công ty chỉ đầu tư, cải tạo một số công trình có tính cấp thiết như hệ thống điều khiển nấu luyện, máy đóng bó thép nhằm tăng hiệu quả sản xuất, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường.

#### **2. Công tác kinh doanh, nguyên liệu**

##### **2.1. Về chuẩn bị vật tư nguyên liệu**

Xác định đây là một trong những yếu tố quan trọng của 3 khâu: quản trị đầu vào, quản trị sản xuất, quản trị đầu ra (bán hàng). Công ty đã chú trọng bám sát thị trường nguyên liệu sắt thép vụn, từ đó có chính sách giá và thu mua hợp lý. Chú trọng nghiệm thu, loại bỏ tạp chất nghiêm ngặt tạo điều kiện cho sản xuất hiệu quả. Phối hợp với công nghệ để định hướng sử dụng liệu và mua liệu phù



hợp tăng hiệu quả sản xuất. Tính toán để có giá thành thấp nhất khi sử dụng liệu giá thấp mà vẫn đảm bảo chất lượng phôi.

- Các vật tư khác cho sản xuất như vật liệu chịu lửa, pherô hợp kim được lựa chọn, đánh giá nhà cung cấp để giảm chi phí sản xuất.
- Tồn kho vật tư thiết bị hợp lý cho từng thời kỳ, giảm chi phí tồn kho, tranh thủ được cơ hội, mua được liệu giá thích hợp, góp phần giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

## **2.2. Công tác tiêu thụ**

Đánh giá tình hình thị trường sát sao, đẩy mạnh tiêu thụ thép cán phù hợp, có hiệu quả, chỉ bán phôi tại thời điểm thích hợp.

Về tiêu thụ thép /V/ : Phối hợp với Công ty Thép Miền Nam và khách hàng để nắm bắt thông tin, yêu cầu thay đổi cơ cấu sản phẩm thép cán, đáp ứng kịp thời yêu cầu của khách hàng, người tiêu dùng... Công ty tuân thủ các thỏa thuận hợp đồng tiêu thụ thép /V/ với Thép Miền Nam và cổ đông lớn - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

## **3. Công tác tổ chức lao động**

Xác định năng suất, chất lượng lao động là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Vì vậy đã chú trọng đào tạo, tuyển dụng và tinh giản lao động. Trong năm giảm tuyệt đối 3 lao động, số lao động đầu năm là 401 người, số còn lại cuối năm 398 người. Chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, góp phần nâng cao năng suất, làm ra sản phẩm có chất lượng ổn định.

Đã ban hành lại, điều chỉnh quyết định thưởng phạt hệ số lương sản phẩm gắn với các chỉ tiêu tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất phôi và thép cán mang lại hiệu quả tốt, khuyến khích người lao động hợp lý hóa trong sản xuất, giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu.

Thu nhập bình quân của CBCNV trong năm 10,8 triệu đồng/người/tháng, tăng 7% so với năm 2014.

Duy trì và triển khai một cách tích cực trong thực hiện Chương trình kế hoạch phòng, chống tham nhũng và Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công ty.



Duy trì thực hiện “Quy chế Dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc” theo 60/2013/NĐ-CP của Chính phủ đã tạo được sự đồng thuận, đoàn kết xây dựng Công ty.

Tổ chức ổn định đội ngũ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, bổ xung nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của sản xuất kinh doanh.

Thực hiện đầy đủ quyền lợi theo chế độ cho người lao động thôi việc.

Mua bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ cho toàn bộ CB CNV.

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động luôn được quan tâm, thực hiện khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp cho CB.CNV.

#### **4. Công tác Tài chính Kế toán**

Xác định quản trị tài chính là rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty phối hợp với các Ngân hàng có quan hệ chiến lược với công ty để đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh với mức lãi suất thấp thích hợp.

Định kỳ hàng tháng ước giá thành và hiệu quả để chủ động trong điều hành bán hàng và sản xuất để đảm bảo có hiệu quả.

Xây dựng kế hoạch tài chính, xác định nhu cầu vốn, đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn, chế độ thanh quyết toán.

Lập tổ quản lý rủi ro, tăng cường quản lý công nợ phát sinh, tránh rủi ro trong kinh doanh.

#### **5. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể**

##### **\* Hoạt động Công đoàn, phong trào thi đua**

Hoạt động của đoàn thể quần chúng được quan tâm thường xuyên. Tổ chức Công đoàn hoạt động tích cực, phát động các phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và nâng cao hiệu quả sản xuất, cùng chính quyền chăm lo tốt đời sống người lao động.

Công đoàn phối hợp với chính quyền thực hiện Nghị định 60/2013/NĐ-CP, ngày 19/6/2013 của Chính phủ về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, tổ chức đối thoại định kỳ.

Công ty quan tâm triển khai thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện, năm 2015 Công ty đóng góp 173 triệu đồng thực hiện công tác xã hội từ thiện tại địa



phương, nuôi dưỡng thương binh nặng và ủy hộ nhân ngày thương binh liệt sĩ 27/7, nạn nhân chất độc màu da cam. Vận động CB.CNV đóng góp ủng hộ những hoàn cảnh bệnh tật khó khăn và 01 ngày lương sản phẩm vào quỹ xã hội từ thiện của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

**\* Tổ chức đoàn thanh niên**

Đoàn thanh niên đẩy mạnh các hoạt động văn thể mỹ, đăng ký thực hiện sáng kiến, hợp lý hóa sản xuất, tham gia tích cực trong việc vận động và thực hiện phong trào xây dựng nhà máy công viên.

## **PHẦN THỨ II**

### **CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ DI DỜI**

Như đã trình bày ở các đại hội lần trước, Thép Thủ Đức muốn phát triển ổn định và bền vững thì phải có chiến lược và triển khai thực hiện tốt chiến lược đã định. Nằm trên tuyến đường Metro và cửa ngõ của thành phố vấn đề di dời và xây dựng nhà máy mới là rất quan trọng để tồn tại và phát triển Công ty.

#### **1. Trong ngắn hạn:**

Tiếp tục quản lý sử dụng có hiệu quả nguồn lực hiện có, phát huy năng lực sẵn có, có đầu tư cải tạo thích hợp để giảm chi phí và tăng năng lực cạnh tranh.

Hiện nay khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh là tiêu thụ sản phẩm. Phối hợp với Thép Miền Nam theo thỏa thuận hợp tác, sản xuất và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm của Công ty trên cơ sở có hiệu quả.

Lấy mục tiêu lợi ích cô đồng song song với lợi ích của người lao động, CBCNV thì đưa sản xuất với hiệu quả cao để công ty có lợi nhuận và cải thiện thu nhập cho người lao động.

#### **2. Trong dài hạn:**

Tuy chưa có văn bản cụ thể về thời điểm phải di dời, nhưng với sự phát triển cơ sở hạ tầng của thành phố và tiến độ xây dựng tuyến mê – tro Bến Thành – Suối Tiên. Muốn tồn tại và phát triển, Thép Thủ Đức phải được di dời và xây dựng với quy mô lớn hơn, công nghệ tốt hơn và cạnh tranh hơn.

Với chức năng, quyền hạn và cơ chế quản lý hiện nay, HĐQT và ban tổng giám đốc đã làm những công việc cần thiết cho di dời.

2.1 Đã thực hiện qui hoạch 1/2000 vị trí đất hiện tại đang sử dụng trình cơ quan chức năng thành phố đã phê duyệt, có lợi thế khi di dời.

2.2 Lập phương án di dời từ tháng 12/2013 đã phối hợp với VNS xem xét phương án di dời (VNS chiếm 65 % vốn điều lệ).

Cập nhật cụ thể phương án di dời tháng 9/2015 với các nội dung chính:

- Qui mô công suất
- Địa điểm di dời
- Sử dụng lợi thế đất hiện tại khi di dời
- Nguồn vốn cho di dời nhà máy.

Hiện nay tiến hành từng phần hoặc toàn thể phương án di dời dựa trên cơ sở xem xét và quyết định của phần cổ đông nắm giữ vốn lớn nhất là VNS

### **PHẦN THỨ III**

#### **HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

- Hội Đồng Quản Trị hoạt động theo qui định của Điều lệ Công ty. Hàng quý họp xem xét đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh quý sau. Giao cho Ban điều hành tổ chức thực hiện và thể hiện được việc kiểm soát, đánh giá hoạt động của Công ty. Xác định các mục tiêu và biểu quyết các vấn đề lớn về đầu tư, phát triển cũng như định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đánh giá kết quả SXKD 2015, phân chia lợi nhuận năm 2016 ..v...vv
- Đã chi thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông năm 2015 tổng cộng 78 triệu đồng.
- Hàng quý và kết thúc năm tài chính, Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát hoạt động của Công ty, có kết luận, báo cáo gửi Hội đồng Quản trị xem xét.
- Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều mời Trưởng ban Kiểm soát tham gia góp ý kiến, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, giám sát công tác điều hành, triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, các Quy chế và Điều lệ của Công ty.

### **PHẦN THỨ IV**

#### **KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc kiểm soát việc điều hành, giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty. Đánh giá, báo cáo kiểm soát hàng quý.

#### **1. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành**





Trong năm qua Tổng giám đốc điều hành đã triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015 và các nghị quyết họp từng quý của Hội đồng Quản trị.

Trước tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, Ban điều hành Công ty đã đề ra nhiều quyết sách nên duy trì được sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Năm 2015 khi tiêu thụ phôi thép có hiệu quả thấp, đã chủ động đẩy mạnh tiêu thụ thép cán, đã đem lại lợi nhuận khá trong điều kiện cạnh tranh mạnh và xu hướng giá giảm, ổn định thu nhập của người lao động.

Tổng Giám đốc triển khai thực hiện rất ráo và đúng tiến độ các hạng mục công trình đầu tư cải tạo đã được Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị phê duyệt, sớm đưa vào sản xuất, phát huy được hiệu quả công tác đầu tư, giảm chi phí sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty.

Thực hiện tốt Quy chế quản trị công ty, các hoạt động tài chính minh bạch được cơ quan thuế và kiểm toán đánh giá tốt.

## **2. Kết quả giám sát đối với đội ngũ cán bộ quản lý**

Đội ngũ cán bộ quản lý đoàn kết, năng động, có năng lực tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng được nhu cầu của sản xuất kinh doanh. Trưởng các đơn vị thực hiện tốt các Quy chế, Quy định không để xảy ra các sai phạm về công tác quản lý tài chính, các vị trí nhạy cảm đều được quan tâm kiểm soát, huy động tốt nguồn lực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Với chức trách, nhiệm vụ được giao, cán bộ quản lý tận tụy với nhiệm vụ của mình, gương mẫu, trung thực.

# **PHẦN THỨ V KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016**

## **I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI THỊ TRƯỜNG**

Tình hình thế giới diễn biến phức tạp. kinh tế thế giới đặc biệt kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm, dự báo tiềm ẩn nhiều rủi ro. Liên kết kinh tế qua các hiệp định thương mại được đẩy mạnh. Tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn trong khu vực sẽ diễn ra quyết liệt hơn.

Triển vọng kinh tế năm 2016 có nhiều điểm sáng. Quốc hội đã thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với những mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7%, lạm phát dưới 5% , kinh tế vĩ mô ổn định tạo động lực gia tăng tổng cầu xã hội nhờ gia tăng đầu tư và tiêu dùng cá nhân.



Kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, kinh tế khu vực đặt ra nhiều cơ hội nhưng cũng có nhiều thách thức khó khăn, đòi hỏi doanh nghiệp không ngừng đổi mới, tăng năng xuất lao động, giảm giá thành sản phẩm để tăng năng lực cạnh tranh.

Thị trường thép trong nước được dự báo có tăng trưởng. Tuy nhiên thuế quan bảo hộ ngành thép tiếp tục giảm, thép Trung Quốc giá rẻ vẫn còn nhiều khả năng tràn vào Việt Nam, cung tiếp tục cao hơn cầu do các nhà máy thép được đưa vào hoạt động trong năm 2015 sẽ phát huy công suất, giành giật thị phần bằng các chính sách giá, dịch vụ.

## **II. MỤC TIÊU SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2016**

### **1. Mục tiêu tổng thể:**

- Đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giữ vững thị phần, ổn định thu nhập người lao động.
- Giảm hơn nữa tiêu hao nguyên nhiên liệu - năng lượng, giảm giá thành.
- Nâng cao hơn nữa năng suất, chất lượng sản phẩm. Nâng cao hiệu quả sản xuất, uy tín sản phẩm và năng lực cạnh tranh. Từng bước vững chắc đưa sản phẩm vào thị trường khu vực mới.

### **2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh chủ yếu:**

#### **\* Sản Xuất**

- Phôi thép: **160.000** tấn.
- Thép cán: **130.000** tấn.

#### **\* Kinh doanh – lợi nhuận:**

- Tiêu thụ :
  - \* **130.000** tấn thép cán.
  - \* **25.000** tấn phôi.
- Lợi nhuận trước thuế : 25 tỷ đồng.
- Cổ tức: 6 %.

## **III. BIỆN PHÁP CHỦ YẾU QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH**

1. Khai thác có hiệu quả các công trình đầu tư cải tạo đã thực hiện xong . Nâng cao hiệu xuất sử dụng thiết bị nhằm giảm hơn nữa tiêu hao nguyên, nhiên liệu trong sản xuất. Hoàn thành và đưa vào hoạt động ổn định chương trình đầu tư cải tạo hệ thống điều khiển nấu luyện.

2. Xây dựng giải pháp công nghệ nhằm nâng cao và ổn định chất lượng, tiết kiệm. Đẩy mạnh sản xuất đa dạng các mác thép và đảm bảo chất lượng sản phẩm giữ uy tín thương hiệu.
3. Hợp tác chặt chẽ với Thép Miền Nam trong việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng đến hợp tác cùng có lợi trong hệ thống ngành thép.
4. Thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm của Công ty.
5. Theo dõi và đánh giá sát thị trường để có các giải pháp thích hợp để đẩy mạnh tiêu thụ. Chú trọng đến nguồn nguyên liệu (sắt thép vụn) để sản xuất phối đạt giá thành tối ưu.
6. Phát huy hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

#### IV. CHĂM LO ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Cân đối và tổ chức lao động phù hợp với nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh. Đảm bảo năng suất, hiệu quả và thu nhập của CBCNV.
2. Thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động, tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, vệ sinh môi trường “Nhà máy - công viên”.
3. Làm tốt và đầy đủ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBCNV.
4. Tổ chức và tham gia các hoạt động văn thể, phòng chống các tệ nạn xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh chương trình kế hoạch phòng, chống tham nhũng, lãng phí.
5. Kiên trì phấn đấu giữ gìn môi trường trong Công ty xanh, sạch, đẹp.

#### V. CÔNG TÁC KHÁC

- Thực hiện chiến lược phát triển Thép Thủ Đức đến năm 2020, trong đó phát huy cơ sở hiện có; tiến hành nghiên cứu, xây dựng đề án đầu tư di dời và phát triển Công ty.
- Xem xét đầu tư ngắn hạn, hợp lý những hạng mục cần thiết để phát huy cơ sở sẵn có.
- Phối hợp với Ban Ngành thành phố chuyên mục đích sử dụng khu đất hiện tại khi có quy hoạch của thành phố để di dời.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông
- Lưu VT.



*Hoàng Ngọc Oanh*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2016

**BÁO CÁO**  
**KIỂM SÓAT KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015**  
**VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÓAT**

*Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02/4/2015;
- Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Cty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC,

Thực hiện nhiệm vụ của năm 2015, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÓAT NĂM 2015**

Trong năm 2015 Ban kiểm soát đã thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, email để nắm bắt công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh nhằm tăng cường giám sát đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

Tham dự các cuộc họp sơ kết tháng, quý về sản xuất kinh doanh của Công ty để nắm bắt chủ trương, chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phân tích báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh từng quý và cả năm của Công ty, qua đó lập các báo cáo của Ban kiểm soát hàng quý và năm.

Qua một năm hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ được quy định trong điều lệ, Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

**II. KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT NĂM 2015**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015**

8922  
TY  
AN  
P  
ỨC  
HỒ C

(Đơn vị tính: đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014	+/-	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.585.372.952.672	1.864.815.132.197	-279.442.179.525	-14,98%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2.157.539.033	4.502.271.039	-2.344.732.006	-52,08%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>1.583.215.413.639</b>	<b>1.860.312.861.158</b>	-277.097.447.519	-14,90%
4. Giá vốn hàng bán	1.470.821.783.851	1.783.572.820.605	-312.751.036.754	-17,54%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>112.393.629.788</b>	<b>76.740.040.553</b>	35.653.589.235	46,46%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.668.658.262	2.981.369.546	1.687.288.716	56,59%
7. Chi phí tài chính	13.647.393.534	20.166.396.198	-6.519.002.664	-32,33%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	13.429.330.890	18.840.825.437	-5.411.494.547	-28,72%
8. Chi phí bán hàng	16.284.639.547	15.805.449.302	479.190.245	3,03%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.802.098.072	29.036.749.949	2.765.348.123	9,52%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>55.328.156.897</b>	<b>14.712.814.650</b>	40.615.342.247	276,05%
11. Thu nhập khác	325.974.210	907.872.693	-581.898.483	-64,09%
12. Chi phí khác	635.566.713	344.871.899	290.694.814	84,29%
13. Lợi nhuận khác	<b>(309.592.503)</b>	<b>563.000.794</b>	-872.593.297	154,99%
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	<b>55.018.564.394</b>	<b>15.275.815.444</b>	39.742.748.950	260,18%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.286.699.823	3.524.008.930	8.762.690.893	248,66%
17. Lợi nhuận sau thuế	<b>42.731.864.571</b>	<b>11.751.806.514</b>	30.980.058.057	263,62%

Năm 2015 Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức đạt mức lợi nhuận cao 55 tỷ đồng tăng 39,7 tỷ so với năm 2014, trong đó:

- Lợi nhuận gộp tăng đến 46,46%, do Công ty đã quyết định giá cả mua nguyên vật liệu từng thời điểm hợp lý, tránh tồn kho nhiều trong thời điểm giá bán liên tục giảm về những tháng cuối năm.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 56,59% chủ yếu do thu lãi bán hàng trả chậm (năm 2014: 2,5 tỷ; năm 2015: 4,2 tỷ).
- Chi phí tài chính giảm 32,33% so với năm 2014 chủ yếu do lãi suất vay ngân hàng giảm, ngoài ra Công ty để tồn kho thành phẩm cũng như nguyên vật liệu hợp lý tránh tồn đọng vốn trong bối cảnh thị trường thép liên tục biến động.

Về sản xuất thép thương hiệu riêng Vkc, theo chỉ đạo của cổ đông lớn Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP từ quý III các công ty cổ phần tạm ngưng sản xuất thép thương hiệu riêng, ưu tiên đẩy mạnh sản xuất thép thương hiệu chữ V. Đến ngày 31/12/2015 Công ty Cổ

phần Thép Thủ Đức hiện còn tồn kho thép thương hiệu Vkc 154 tấn (tháng 01/2016 đã tiêu thụ hết).

Trong điều kiện kinh doanh cạnh tranh khốc liệt, Công ty đã thực hiện tốt chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tồn kho thấp khi thị trường giá thép đi xuống, tăng cường công tác quản lý nợ nhằm giảm thiểu chi phí lãi vay, tăng hiệu quả kinh doanh. Công ty cần chú ý ổn định công nghệ cán về barem sản phẩm, dự phòng thép bẻ phục vụ nhu cầu của khách hàng vào thời điểm hút hàng và lựa chọn thời điểm mua nguyên liệu đầu vào với giá cả phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2015 tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật. Ban điều hành Công ty đã chủ động đề ra các giải pháp tích cực khắc phục khó khăn nhằm đẩy mạnh việc kinh doanh bán phôi thép và thép thành phẩm.

Kết thúc năm 2015, tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 55 tỷ đồng, tăng 260% so với năm 2014 và đạt 366,8% kế hoạch năm.

## 2. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty được lập đã tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán (AASC); Thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính hàng quý đầy đủ, rõ ràng đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

(Đơn vị tính: đồng)

TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm	+ /-	%
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>312.119.645.374</b>	<b>345.107.133.434</b>	-32.987.488.060	-9,56 %
<b>I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>113.863.240.466</b>	<b>126.240.120.069</b>	-12.376.879.603	-9,80 %
1. Tiền	113.863.240.466	126.240.120.069	-12.376.879.603	-9,80 %
<b>III. CÁC KHOẢN PHẢI THU</b>	<b>67.157.271.539</b>	<b>81.491.979.112</b>	-14.334.707.573	-17,59 %
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	67.386.097.711	83.048.139.913	-15.662.042.202	-18,86 %
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.017.792.120	214.059.000	803.733.120	375,47 %
3. Phải thu ngắn hạn khác	749.301.718	40.574.409	708.727.309	1.746,73 %
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	(1.995.920.010)	(1.810.794.210)	-185.125.800	10,22 %
<b>IV. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>131.099.133.369</b>	<b>137.375.034.253</b>	-6.275.900.884	-4,57 %
1. Hàng tồn kho	131.099.133.369	137.375.034.253	-6.275.900.884	-4,57 %
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>69.182.399.782</b>	<b>79.592.688.197</b>	-10.410.288.415	-13,08 %
<b>II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>67.951.090.691</b>	<b>76.984.489.237</b>	-9.033.398.546	-11,73 %
1. Tài sản cố định hữu hình	67.951.090.691	76.984.489.237	-9.033.398.546	-11,73 %
- Nguyên giá	292.893.549.074	286.445.539.981	6.448.009.093	2,25 %
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(224.942.458.383)	(209.461.050.744)	-15.481.407.639	7,39 %
<b>IV. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN</b>	<b>1.231.309.091</b>	<b>2.608.198.960</b>	-1.376.889.869	-52,79 %
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.231.309.091	2.608.198.960	-1.376.889.869	-52,79 %
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+ B)</b>	<b>381.302.045.156</b>	<b>424.699.821.631</b>	<b>-43.397.776.475</b>	<b>-10,22 %</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>+ /-</b>	<b>%</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>179.901.301.874</b>	<b>254.353.995.647</b>	<b>-74.452.693.773</b>	<b>-29,27 %</b>
<b>I. NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>178.903.301.874</b>	<b>253.355.995.647</b>	<b>-74.452.693.773</b>	<b>-29,39 %</b>

1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.421.975.675	14.263.424.359	2.158.551.316	15,13 %
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.161.464	220.853.680	-213.692.216	-96,76 %
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.107.236.661	6.805.111.310	-697.874.649	-10,26 %
4. Phải trả người lao động	10.991.293.207	19.762.500.200	-8.771.206.993	-44,38 %
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	4.467.628.937	4.093.996.987	373.631.950	9,13 %
6. Phải trả ngắn hạn khác	2.040.211.920	658.171.130	1.382.040.790	209,98 %
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	138.365.349.768	206.786.590.676	-68.421.240.908	-33,09 %
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	502.444.242	765.347.305	-262.903.063	-34,35 %
<b>II. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>998.000.000</b>	<b>998.000.000</b>	<b>0</b>	
1. Phải trả dài hạn khác	998.000.000	998.000.000	0	
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>201.400.743.282</b>	<b>170.345.825.984</b>	<b>31.054.917.298</b>	<b>18,23 %</b>
<b>I. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>201.400.743.282</b>	<b>170.345.825.984</b>	<b>31.054.917.298</b>	<b>18,23 %</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	122.253.930.000	122.253.930.000	0	
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	122.253.930.000	122.253.930.000	0	
2. Thặng dư vốn cổ phần	17.708.334.281	17.708.334.281	0	
3. Quỹ đầu tư phát triển	18.706.614.430	17.739.342.555	967.271.875	5,45 %
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	42.731.864.571	12.644.219.148	30.087.645.423	237,96 %
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (A + B)</b>	<b>381.302.045.156</b>	<b>424.699.821.631</b>	<b>-43.397.776.475</b>	<b>-10,22 %</b>

Nhận xét chung về tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2015:

\* Tổng tài sản có đến 31/12/2015: 381,3 tỷ đồng giảm 10,22% so với đầu năm, trong đó:

- Tình hình quản lý công nợ phải thu:

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là 67,3 tỷ đồng giảm 18,86% so với đầu năm trong đó: Nợ luân chuyển 64 tỷ, chủ yếu của Cty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL (17,99 tỷ) và Cty TNHH Thép VINA KYOEI (38,8 tỷ), nợ luân chuyển này do chưa đến hạn thu; Nợ quá hạn 500 triệu; Nợ khó đòi 2,8 tỷ.

Công ty đã thu hồi công nợ của khách hàng được 15,6 tỷ đồng so với các khoản nợ phải thu tại thời điểm đầu năm. Công tác thu hồi các khoản nợ khó đòi gặp nhiều khó khăn do khách hàng mất khả năng thanh toán nên vẫn chưa xử lý dứt điểm.

Đến 31/12/2015 Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi 1,99 tỷ đồng.

- Hàng tồn kho (có đến 31/12/2015) 131 tỷ đồng giảm 4,57% so với đầu năm, trong đó chủ yếu:

Nguyên liệu chính (thép phế liệu): 27,966 tỷ đồng (6.935,18 tấn)

Bán thành phẩm (phôi thép): 7,696 tỷ đồng (1.079,247 tấn)

Thép thành phẩm : 61 tỷ đồng (6.947,995 tấn)

Chủ trương giảm tồn kho, nhằm giảm chi phí tài chính tại thời điểm này là phù hợp.

- Nguyên giá tài sản cố định tăng 6,4 tỷ đồng tăng 2,25% so với đầu năm do trong năm Công ty đầu tư mới một số hạng mục công trình đã đưa vào sử dụng và đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, gồm các hạng mục sau:

- Xe KAMAZ BEN 51C-63941 (giá trị đầu tư 1.275.517.818), tăng năng lực chuyên chở nguyên liệu cho Phân xưởng Luyện thép.
- Máy đóng bó thép (giá trị đầu tư 1.312.421.529) nhằm giảm chi phí sử dụng dây bó bằng thép tròn rỗng hơn đóng bó bằng đai thép và giảm nhân lực.

- Máy phay rãnh vắn (giá trị đầu tư 1.500.000.409), tăng năng lực phay rãnh trục cán cho phân xưởng cơ điện.

\* Tổng nguồn vốn có đến 31/12/2015: 381,3 tỷ đồng giảm 10,22% so với đầu năm, trong đó:

- Vay ngắn hạn đến thời điểm 31/12/2015 là 138,36 tỷ đồng chiếm 36,2% trên tổng nguồn vốn và chiếm 36% trên tổng hạn mức tín dụng ngân hàng
- Tiền thuế phát sinh cuối năm phải thanh toán 6,1 tỷ chủ yếu là thuế GTGT phải nộp trong tháng 12/2015 và thuế TNDN quý 4/2015. Trong năm Công ty đã nộp đủ các khoản thuế cho Nhà nước, cũng như trả lương đầy đủ cho CBCNV trong Cty.

### 3. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2015

Năm 2015, Hội đồng Quản trị đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị tham gia các cuộc họp về sản xuất kinh doanh của Công ty, đã có những hoạt động tích cực, hiệu quả cùng Ban điều hành đưa ra những định hướng giải quyết kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả tốt trong kinh doanh, luôn đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và ổn định đời sống người lao động.

### 4. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2015

Cùng với Ban Điều hành, Tổng Giám Đốc Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông. Triển khai thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, lập kế hoạch quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế của thị trường, phát huy hiệu quả nguồn lực của Công ty.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty đều tay trong các công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, tận tâm với công việc, năng nổ đoàn kết, thường xuyên quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của người lao động. Tạo được sự đồng thuận cao trong vận hành của bộ máy quản lý.

### 5. Đánh giá hoàn thành kế hoạch

	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện		So sánh	
			2014	2015	TH/KH 2015	+/- 2015/ 2014
<b>Sản xuất</b>						
- Phôi thép	tấn	150.000	<b>153.314</b>	155.791	103,8%	1,62%
- Thép cán	tấn	115.000	<b>104.781</b>	128.936	112,1%	23%
<b>Tiêu thụ</b>						
- Phôi thép	tấn	30.000	<b>44.885</b>	24.447	81,49%	-45,5%
- Thép cán	tấn	115.000	<b>108.597</b>	128.099	111,4%	17,9%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>15</b>	<b>15,27</b>	<b>55,02</b>	<b>366,8%</b>	<b>260%</b>



Đánh giá chung trong năm 2015, trước sự cạnh tranh gay gắt và sự biến động phức tạp của thị trường thép xây dựng, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, tổ chức kinh doanh có lãi vượt với kế hoạch đã đề ra, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

### **III. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016**

Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Thực hiện công tác thẩm định các báo cáo về tài chính, về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016.

Chủ động nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ kiểm tra và giám sát nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát, kính trình Hội đồng Quản trị xem xét.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
Trưởng Ban



Đoàn Hồng Hà

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức

KM số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-33
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-33

**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức**

KM số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức,  
thành phố Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức theo Quyết định số 2254/QĐ-BCN ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 642/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 08 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: KM số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Ngọc Oanh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)
Ông Phan Văn Trúc	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)
Ông Nguyễn Phùng Hiền	Thành viên	
Ông Trịnh Chính Sinh	Thành viên	
Ông Lê Khắc Thành	Thành viên	
Ông Cao Anh Kiệt	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Phùng Hiền	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)
Ông Hoàng Ngọc Oanh	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)
Ông Cao Anh Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Minh Chính	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 05 năm 2015)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)
Bà Đỗ Thị Long Châu	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2015)
Ông Huỳnh Văn Phúc	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Minh	Thành viên	

### **KIỂM TOÁN VIÊN.**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức**

KM số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức,  
thành phố Hồ Chí Minh

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



**Nguyễn Phùng Hiền**

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được lập ngày 25 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quốc Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2016



Trần Trung Hiếu  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2202-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		312.119.645.374	345.107.133.434
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	113.863.240.466	126.240.120.069
111	1. Tiền		113.863.240.466	126.240.120.069
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		67.157.271.539	81.491.979.112
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	67.386.097.711	83.048.139.913
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.017.792.120	214.059.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5	749.301.718	40.574.409
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.995.920.010)	(1.810.794.210)
140	IV. Hàng tồn kho	7	131.099.133.369	137.375.034.253
141	1. Hàng tồn kho		131.099.133.369	137.375.034.253
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		69.182.399.782	79.592.688.197
220	II. Tài sản cố định		67.951.090.691	76.984.489.237
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	67.951.090.691	76.984.489.237
222	- Nguyên giá		292.893.549.074	286.445.539.981
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(224.942.458.383)	(209.461.050.744)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	1.231.309.091	2.608.198.960
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.231.309.091	2.608.198.960
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>381.302.045.156</b>	<b>424.699.821.631</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		179.901.301.874	254.353.995.647
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		178.903.301.874	253.355.995.647
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	16.421.975.675	14.263.424.359
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.161.464	220.853.680
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	6.107.236.661	6.805.111.310
314	4. Phải trả người lao động		10.991.293.207	19.762.500.200
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	4.467.628.937	4.093.996.987
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.040.211.920	658.171.130
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10	138.365.349.768	206.786.590.676
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		502.444.242	765.347.305
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		998.000.000	998.000.000
337	7. Phải trả dài hạn khác	14	998.000.000	998.000.000
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		201.400.743.282	170.345.825.984
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	15	201.400.743.282	170.345.825.984
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		122.253.930.000	122.253.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		122.253.930.000	122.253.930.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.708.334.281	17.708.334.281
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.706.614.430	17.739.342.555
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.731.864.571	12.644.219.148
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		-	892.412.634
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		42.731.864.571	11.751.806.514
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>381.302.045.156</b>	<b>424.699.821.631</b>



Nguyễn Anh Kha  
Người lập



Đỗ Thị Long Châu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Phùng Hiền

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01  
năm 2016



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1.585.372.952.672	1.864.815.132.197
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	2.157.539.033	4.502.271.039
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.583.215.413.639	1.860.312.861.158
11	4. Giá vốn hàng bán	19	1.470.821.783.851	1.783.572.820.605
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.393.629.788	76.740.040.553
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	4.668.658.262	2.981.369.546
22	7. Chi phí tài chính	21	13.647.393.534	20.166.396.198
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		13.429.330.890	18.840.825.437
24	8. Chi phí bán hàng	22	16.284.639.547	15.805.449.302
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	31.802.098.072	29.036.749.949
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		55.328.156.897	14.712.814.650
31	11. Thu nhập khác	24	325.974.210	907.872.693
32	12. Chi phí khác	25	635.566.713	344.871.899
40	13. Lợi nhuận khác		(309.592.503)	563.000.794
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		55.018.564.394	15.275.815.444
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	12.286.699.823	3.524.008.930
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		42.731.864.571	11.751.806.514
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	3.041	961



Nguyễn Anh Kha  
Người lập



Đỗ Thị Long Châu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Phùng Hiền  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01  
năm 2016

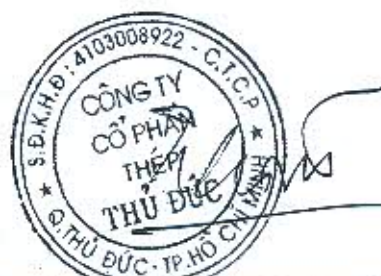
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1.585.372.952.672	1.864.815.132.197
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	2.157.539.033	4.502.271.039
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.583.215.413.639	1.860.312.861.158
11	4. Giá vốn hàng bán	19	1.470.821.783.851	1.783.572.820.605
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.393.629.788	76.740.040.553
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	4.668.658.262	2.981.369.546
22	7. Chi phí tài chính	21	13.647.393.534	20.166.396.198
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		13.429.330.890	18.840.825.437
24	8. Chi phí bán hàng	22	16.284.639.547	15.805.449.302
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	31.802.098.072	29.036.749.949
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		55.328.156.897	14.712.814.650
31	11. Thu nhập khác	24	325.974.210	907.872.693
32	12. Chi phí khác	25	635.566.713	344.871.899
40	13. Lợi nhuận khác		(309.592.503)	563.000.794
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		55.018.564.394	15.275.815.444
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	12.286.699.823	3.524.008.930
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>42.731.864.571</u>	<u>11.751.806.514</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	3.041	961







Nguyễn Anh Kha  
Người lập

Đỗ Thị Long Châu  
Kế toán trưởng

Nguyễn Phùng Hiền  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01  
năm 2016

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		55.018.564.394	15.275.815.444
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.197.739.009	15.383.222.906
03	- Các khoản dự phòng		185.125.800	1.810.794.210
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	49.515.885
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(466.467.237)	(901.385.179)
06	- Chi phí lãi vay		13.429.330.890	18.840.825.437
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		84.364.292.856	50.458.788.703
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		14.191.342.791	98.282.986.141
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.275.900.884	102.670.820.960
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.785.088.750)	(31.024.492.355)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	1.710.784.605
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13.236.197.875)	(18.869.492.416)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.463.293.890)	(1.269.384.615)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		200.000	398.592.021
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.159.735.936)	(1.096.230.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		71.187.420.080	201.262.373.044
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.000.894.384)	(11.307.410.145)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		285.673.000	839.893.800
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		352.477.009	331.302.870
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.362.744.375)	(10.136.213.475)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền thu từ đi vay		1.060.263.067.146	1.484.790.830.135
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.128.684.308.054)	(1.578.520.569.385)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.780.314.400)	(6.112.696.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(78.201.555.308)	(99.842.435.750)
50	Lưu chuyển tiền, thuần trong năm		(12.376.879.603)	91.283.723.819

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		126.240.120.069	34.963.803.837
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(7.407.587)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>113.863.240.466</u>	<u>126.240.120.069</u>





Nguyễn Anh Kha

Đỗ Thị Long Châu  
Kế toán trưởng

Nguyễn Phùng Hiền

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01  
năm 2016



111000000111

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức theo Quyết định số 2254/QĐ-BCN ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 642/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 08 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: KM số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.253.900.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 122.253.930.000 đồng; tương đương 12.225.393 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh sắt, thép, gang.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất hoá chất cơ bản. Chi tiết: Sản xuất oxy, argon dạng khí và lỏng;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh oxy, ni tơ, argon dạng khí và dạng lỏng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng;

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 33.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.



31/12  
C  
SÁCH  
NG  
A.  
476

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

## 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

## 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08 năm

## 2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

106  
TY  
HỮU HẠP  
TOÁN  
C  
HẠN



## 2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## 2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập

## 2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.15 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

#### **2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **2.17 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **2.18 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### **2.20 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	197.670.493	202.458.230
Tiền gửi ngân hàng	113.665.569.973	126.037.661.839
	<b><u>113.863.240.466</u></b>	<b><u>126.240.120.069</u></b>

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSteel	17.995.426.735	13.087.180.909
- Công ty Cổ phần Thép Tây Đô	-	38.466.390.575
- Công ty TNHH Thép An Hưng Trường	-	12.122.447.700
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoel	38.861.889.880	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	10.528.781.096	19.372.120.729
	<b><u>67.386.097.711</u></b>	<b><u>83.048.139.913</u></b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	67.386.097.711	83.048.139.913
	<b><u>67.386.097.711</u></b>	<b><u>83.048.139.913</u></b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)</i>	<b><u>57.357.512.415</u></b>	<b><u>54.040.547.074</u></b>

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND		VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.761.018	-	-	-
Tạm ứng	32.867.700	-	25.100.400	-
Phải thu tiền thuế TNCN	662.813.000	-	2.973.009	-
Phải thu khác	11.860.000	-	12.501.000	-
	<b><u>749.301.718</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>40.574.409</u></b>	<b><u>-</u></b>

6 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.851.314.300	855.394.290	3.401.510.100	1.590.715.890
Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Lợi My 2	2.851.314.300	855.394.290	2.851.314.300	1.425.657.150
Các khoản khác	-	-	550.195.800	165.058.740
	<b>2.851.314.300</b>	<b>855.394.290</b>	<b>3.401.510.100</b>	<b>1.590.715.890</b>

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	61.812.194.524	-	56.399.976.057	-
Công cụ, dụng cụ	333.616.698	-	306.546.206	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.901.356.649	-	21.342.557.717	-
Thành phẩm	61.051.965.498	-	41.869.639.702	-
Hàng gửi đi bán	-	-	17.456.314.571	-
	<b>131.099.133.369</b>	<b>-</b>	<b>137.375.034.253</b>	<b>-</b>

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	1.231.309.091	1.090.909.091
Quy hoạch dự án xây dựng nhà máy Thép Thủ Đức	1.090.909.091	1.090.909.091
Lập phương án di dời và nâng cấp thiết bị	140.400.000	-
- Mua sắm tài sản cố định	-	1.517.289.869
Lò nung trung gian phân xởng cán	-	1.517.289.869
	<b>1.231.309.091</b>	<b>2.608.198.960</b>

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>										
Số dư đầu năm	40.365.474.348	213.026.735.998	29.295.810.969	3.757.518.666	286.445.539.981					
- Mua trong năm	1.772.554.628	2.812.421.938	1.275.517.818	-	5.860.494.384					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.517.289.869	-	-	1.517.289.869					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(76.000.000)	(853.775.160)	(929.775.160)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>42.138.028.976</b>	<b>217.356.447.805</b>	<b>30.495.328.787</b>	<b>2.903.743.506</b>	<b>292.893.549.074</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Số dư đầu năm	31.186.039.448	153.941.430.876	21.906.519.726	2.427.060.694	209.461.050.744					
- Khấu hao trong năm	1.966.906.676	11.552.342.948	2.454.115.954	224.373.431	16.197.739.009					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(76.000.000)	(640.331.370)	(716.331.370)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.152.946.124</b>	<b>165.493.773.824</b>	<b>24.284.635.680</b>	<b>2.011.102.755</b>	<b>224.942.458.383</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày đầu năm	9.179.434.900	59.085.305.122	7.389.291.243	1.330.457.972	76.984.489.237					
Tại ngày cuối năm	<b>8.985.082.852</b>	<b>51.862.673.981</b>	<b>6.210.693.107</b>	<b>892.640.751</b>	<b>67.951.090.691</b>					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 73.371.159.624 VND

10 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	01/01/2015		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	206.786.590.676	206.786.590.676	1.128.684.308.054	138.365.349.768
	<b>206.786.590.676</b>	<b>206.786.590.676</b>	<b>1.128.684.308.054</b>	<b>138.365.349.768</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2015	
					VND	VND
1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh I thành phố Hồ Chí Minh	VND	Theo từng khế ước nhận nợ	Hàng tồn kho	44.190.040.003	96.253.467.530
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	VND	Theo từng khế ước nhận nợ	Tin chấp	49.817.047.674	66.620.091.360
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	VND	Theo từng khế ước nhận nợ	Tin chấp	44.358.262.091	43.913.031.786
					<b>138.365.349.768</b>	<b>206.786.590.676</b>

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Thái Nguyên	-	-	1.119.387.720	1.119.387.720
- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ tận Tài Hưng Phát	794.835.459	794.835.459	1.549.646.366	1.549.646.366
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	4.748.180.580	4.748.180.580	-	-
- Công Ty Cổ phần Kim khí thành phố Hồ Chí Minh	72.783.043	72.783.043	1.852.681.600	1.852.681.600
- Công ty TNHH Thép Tiên Phong	-	-	1.499.355.000	1.499.355.000
- Arczen Technology Inc	-	-	1.739.156.250	1.739.156.250
- Phải trả các đối tượng khác	10.806.176.593	10.806.176.593	6.503.197.423	6.503.197.423
	<b>16.421.975.675</b>	<b>16.421.975.675</b>	<b>14.263.424.359</b>	<b>14.263.424.359</b>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	16.421.975.675	16.421.975.675	14.263.424.359	14.263.424.359
	<b>16.421.975.675</b>	<b>16.421.975.675</b>	<b>14.263.424.359</b>	<b>14.263.424.359</b>
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	6.441.443.253	6.441.443.253	3.433.747.000	3.433.747.000

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		3.019.724.744		22.153.080.947		23.194.139.094		-			1.978.666.597
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		1.039.302.063		1.039.302.063		-			-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		3.420.821.291		12.286.699.823		12.463.293.890		-			3.244.227.224
Thuế Thu nhập cá nhân	-		242.408.275		1.763.814.740		1.244.037.175		-			762.185.840
Thuế Tài nguyên	-		1.476.000		17.712.000		17.712.000		-			1.476.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		120.681.000		4.179.184.264		4.179.184.264		-			120.681.000
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		3.000.000		-			-
	-		<b>6.805.111.310</b>		<b>41.442.793.837</b>		<b>42.140.668.486</b>		-			<b>6.107.236.661</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	17.708.334.281	12.677.997.545	5.061.345.010	7.959.986.264	165.661.593.100				
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	11.751.806.514				11.751.806.514
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(848.863.526)				(848.863.526)
Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(106.013.604)				(106.013.604)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.112.696.500)				(6.112.696.500)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>122.253.930.000</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>12.677.997.545</b>	<b>5.061.345.010</b>	<b>12.644.219.148</b>	<b>170.345.825.984</b>				
Số dư đầu năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	17.708.334.281	17.739.342.555	-	12.644.219.148	170.345.825.984				
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	42.731.864.571	42.731.864.571				
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	967.271.875	-	(967.271.875)	-				
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.643.748.490)	(1.643.748.490)				
Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(252.884.383)	(252.884.383)				
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.780.314.400)	(9.780.314.400)				
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>122.253.930.000</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>18.706.614.430</b>	<b>-</b>	<b>42.731.864.571</b>	<b>201.400.743.282</b>				

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 1017/NQ-VKC ngày 02 tháng 04 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Số tiền	
	Tỷ lệ	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00	12.644.219.148
Trích Quỹ đầu tư phát triển	7,65	967.271.875
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13,00	1.643.748.490
Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	2,00	252.884.383
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ) (tương ứng mỗi cổ phần nhận 800 đ)	77,35	9.780.314.400



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	65,00	79.465.100.000	65,00	79.465.100.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp	10,90	13.322.950.000	10,90	13.322.950.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24,10	29.465.880.000	24,10	29.465.880.000
	<u>100,00</u>	<u>122.253.930.000</u>	<u>100,00</u>	<u>122.253.930.000</u>

e) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.253.930.000	122.253.930.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	122.253.930.000	122.253.930.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	122.253.930.000	122.253.930.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.780.314.400	6.112.696.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	9.780.314.400	6.112.696.500

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.225.393	12.225.393
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.225.393	12.225.393
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.225.393	12.225.393
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.706.614.430	17.739.342.555
	<u>18.706.614.430</u>	<u>17.739.342.555</u>

TR  
H  
C  
A

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng KG	Giá trị VND	Số lượng KG	Giá trị VND
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ:				
- <i>Vật tư, công cụ dụng cụ</i>	-	-	-	2.191.764.077

b) Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2015	01/01/2015
	USD	1.686,83	380.746,23



**17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.561.555.247.972	1.863.654.384.197
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.817.704.700	1.160.748.000
	<u>1.585.372.952.672</u>	<u>1.864.815.132.197</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	<u>1.178.421.217.166</u>	<u>1.595.724.565.116</u>

**18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.597.966.933	-
Hàng bán bị trả lại	559.572.100	4.502.271.039
	<u>2.157.539.033</u>	<u>4.502.271.039</u>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.445.104.537.573	1.782.704.677.654
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.717.246.278	868.142.951
	<u>1.470.821.783.851</u>	<u>1.783.572.820.605</u>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	394.238.027	331.302.870
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.216.845.469	2.576.802.808
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	57.574.766	73.263.868
	<u>4.668.658.262</u>	<u>2.981.369.546</u>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.429.330.890	18.840.825.437
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	556.556.109
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	218.062.644	719.498.767
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	49.515.885
	<u>13.647.393.534</u>	<u>20.166.396.198</u>

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.497.211.394	13.934.163.151
Chi phí khác bằng tiền	6.787.428.153	1.871.286.151
	<b>16.284.639.547</b>	<b>15.805.449.302</b>

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

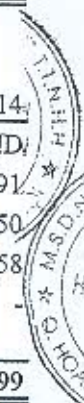
	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.159.987.295	1.868.908.001
Chi phí nhân công	15.274.024.685	14.686.422.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	994.143.666	1.229.215.865
Thuế, phí, lệ phí	4.340.035.996	1.671.775.420
Chi phí dự phòng	185.125.800	2.589.808.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.395.513.028	5.179.824.790
Chi phí khác bằng tiền	6.453.267.602	1.810.794.210
	<b>31.802.098.072</b>	<b>29.036.749.949</b>

**24 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	72.229.210	839.893.800
Thu nhập từ vật tư thu hồi do thanh lý	58.095.000	-
Thu nhập từ thanh lý CCDC	195.650.000	-
Thu nhập khác	-	67.978.893
	<b>325.974.210</b>	<b>907.872.693</b>

**25 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	269.811.491
Truy thu thuế GTGT, thuế TNCN	35.372.762	20.559.450
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	600.193.942	54.500.958
Chi phí khác	9	-
	<b>635.566.713</b>	<b>344.871.899</b>



**26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.018.564.394	15.275.815.444
Các khoản điều chỉnh tăng	781.337.913	304.831.632
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	600.193.942	54.500.958
- Chi phí truy thu thuế TNCN, GTGT	35.372.762	20.559.450
- Chi phí khấu hao vượt định mức	40.771.209	40.771.224
- Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	105.000.000	189.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(706.575.706)	(350.105.625)
- Trích trước chi phí kiểm toán, lãi vay	(321.438.646)	(350.105.625)
- Thu nhập do hoàn nhập dự phòng	(385.137.060)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	55.093.326.601	15.230.541.451
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>12.120.531.852</b>	<b>3.350.719.119</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	166.167.971	173.289.811
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.420.821.291	1.166.196.976
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(12.463.293.890)	(1.269.384.615)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>3.244.227.224</b>	<b>3.420.821.291</b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	42.731.864.571	11.751.806.514
Các khoản điều chỉnh	(5.555.142.394)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(5.555.142.394)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.176.722.177	11.751.806.514
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.225.393	12.225.393
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.041</b>	<b>961</b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.203.154.816.216	1.504.696.373.820
Chi phí nhân công	74.771.011.665	71.780.222.880
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.197.739.009	15.383.222.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.180.134.113	182.547.926.126
Chi phí khác bằng tiền	24.345.945.195	13.747.918.524
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>1.524.649.646.198</b>	<b>1.788.155.664.259</b>



**29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.863.240.466	-	126.240.120.069	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.135.399.429	(1.995.920.010)	83.088.714.322	(1.810.794.210)
	<u>181.998.639.895</u>	<u>(1.995.920.010)</u>	<u>209.328.834.391</u>	<u>(1.810.794.210)</u>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			138.365.349.768	206.786.590.676
Phải trả người bán, phải trả khác			19.460.187.595	15.919.595.489
Chi phí phải trả			4.467.628.937	4.093.996.987
			<u>162.293.166.300</u>	<u>226.800.183.152</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản trưng đơng tiền	113.863.240.466	-	-	113.863.240.466
Phải thu khách hàng, phải thu khác	66.139.479.419	-	-	66.139.479.419
	<u>180.002.719.885</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>180.002.719.885</u>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản trưng đơng tiền	126.240.120.069	-	-	126.240.120.069
Phải thu khách hàng, phải thu khác	81.277.920.112	-	-	81.277.920.112
	<u>207.518.040.181</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>207.518.040.181</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	138.365.349.768	-	-	138.365.349.768
Phải trả người bán, phải trả khác	18.462.187.595	-	998.000.000	19.460.187.595
Chi phí phải trả	4.467.628.937	-	-	4.467.628.937
	<u>161.295.166.300</u>	<u>-</u>	<u>998.000.000</u>	<u>162.293.166.300</u>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	206.786.590.676	-	-	206.786.590.676
Phải trả người bán, phải trả khác	14.921.595.489	-	998.000.000	15.919.595.489
Chi phí phải trả	4.093.996.987	-	-	4.093.996.987
	<u>225.802.183.152</u>	<u>-</u>	<u>998.000.000</u>	<u>226.800.183.152</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**30 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	1.060.263.067.146	1.484.790.830.135

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	1.128.684.308.054	1.578.520.569.385

**31 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**32 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thép và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**33 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	976.007.538.296	473.463.039.630
Công ty KD thép & Dịch vụ VNSteel Long An	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	365.990.800
Chi nhánh Miền Trung - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	23.347.017.270
Chi nhánh Miền Tây - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	303.396.451.700
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	179.164.425.040
Chi nhánh Đà Nẵng - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	2.352.271.300
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ	1.539.506.400	7.322.134.240
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	27.444.652.000	35.091.985.586



	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)</b>			
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	8.500.000	22.680.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	195.166.370	4.438.114.700
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ	166.025.443.700	445.971.507.100
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	120.788.947.750
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	7.200.410.400	-
<b>Lãi bán hàng trả chậm</b>			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	405.921.043
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3.857.164.772	1.001.016.695
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	-	335.745.133
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	260.444.010	832.030.626
<b>Mua nguyên vật liệu, dịch vụ</b>			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	2.290.004.244	9.234.913.659
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VN STEEL	Cùng Công ty mẹ	122.584.000	693.500.000
Khách sạn Phương Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	16.154.545
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	9.293.455.200	296.458.800
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	63.695.073.800	32.706.411.000
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	29.874.182.278	225.268.466.498
Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ứng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	4.182.720.000	3.999.250.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	6.414.673.000	6.312.110.000
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ	6.846.803.700	7.183.955.800
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ	226.663.200	157.595.200
Công ty TNHH Nipponvina	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	97.287.000
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	39.874.534.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	50.000.000
<b>Chi phí lãi chậm thanh toán</b>			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	346.236.764
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	-	210.319.345
<b>Phí sử dụng thương hiệu chữ "V"</b>			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	5.960.000
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VN STEEL	Cùng Công ty mẹ	6.689.900.880	-



	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Thanh lý tài sản cố định</b>			
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	285.673.000	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	17.995.426.735	13.087.180.909
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	-	583.000.000
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ	38.861.889.880	-
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	38.466.390.575
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	500.195.800	1.903.975.590
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Tư vấn và Thiết kế Luyện kim	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	61.776.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	41.761.018	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	5.960.000
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	72.783.043	1.852.681.600
Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ưng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	601.854.000	407.319.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	332.384.800	482.896.700
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ	686.240.830	684.889.700
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	4.748.180.580	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	776.188.728	5.960.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		4.126.133.000	2.704.419.000



33 . SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC				
Mã số	Khoản mục	Số tiền	Mã số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
<b>a) Bảng cân đối kế toán</b>						
131	Phải thu của khách hàng	83.048.139.913	131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	83.048.139.913	-
132	Trả trước cho người bán	214.059.000	132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	214.059.000	-
135	Các khoản phải thu khác	15.474.009	136	Phải thu ngắn hạn khác	40.574.409	(25.100.400)
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.810.794.210)	137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.810.794.210)	-
158	Tài sản ngắn hạn khác	25.100.400	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	25.100.400
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.608.198.960	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.608.198.960	-
311	Vay và nợ ngắn hạn	206.786.590.676	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	206.786.590.676	-
312	Phải trả người bán	14.263.424.359	311	Phải trả người bán ngắn hạn	14.263.424.359	-
313	Người mua trả tiền trước	220.853.680	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	220.853.680	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.805.111.310	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.805.111.310	-
315	Phải trả người lao động	19.762.500.200	314	Phải trả người lao động	19.762.500.200	-
316	Chi phí phải trả	4.093.996.987	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.093.996.987	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	658.171.130	319	Phải trả ngắn hạn khác	658.171.130	-
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	765.347.305	322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	765.347.305	-
333	Phải trả dài hạn khác	998.000.000	337	Phải trả dài hạn khác	998.000.000	-
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.253.930.000	411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.253.930.000	-
			411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	122.253.930.000	

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số	Khoản mục	Số tiền
417	Quỹ đầu tư phát triển	12.677.997.545
418	Quỹ dự phòng tài chính	5.061.345.010
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.644.219.148
	<b>b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	
24	Chi phí bán hàng	15.805.449.302
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.036.749.949
	<b>c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.484.790.830.135
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.578.520.569.385)

Nguyễn Anh Kha  
Người lập



Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Khoản mục	Số tiền	Thay đổi
418	Quỹ đầu tư phát triển	17.739.342.555	(5.061.345.010)
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.644.219.148	5.061.345.010
421a	LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	892.412.634	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay	11.751.806.514	-
	<b>b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
25	Chi phí bán hàng	15.805.449.302	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.036.749.949	-
	<b>c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>		
33	Tiền thu từ đi vay	1.484.790.830.135	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	(1.578.520.569.385)	-

Đỗ Thị Long Châu  
Kế toán trưởng




Nguyễn Phùng Hiền  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01  
năm 2016

